

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2022/HNGĐ - ST**

Ngày: 09/06/2022

Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Phong.

Bà Trần Thị Lệ Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 06 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 03 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 05 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phùng Thị H – sinh năm 1996.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: xóm 13, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Phan Văn T – sinh năm 1994.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: xóm A, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Phùng Thị H trình bày: chị và anh Phan Văn T sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn thì anh chị chưa tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương cũng chưa về chung sống với nhau đã phát sinh mâu thuẫn. Dẫn đến việc vợ chồng cãi chửi nhau. Mặc dù được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên thời gian sau khi kết hôn chị H cũng không về chung sống với anh T nữa. Đồng thời cả hai đã không còn quan tâm đến cuộc sống của

nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Phan Văn T hiện đang cư trú ở cùng nhà mẹ đẻ là bà Phan Thị M tại xóm A, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt các văn bản tố tụng như thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh anh T thông qua mẹ đẻ là bà Phan Thị M. Tuy nhiên, Anh T không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án đồng thời không cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phùng Thị H và anh Phan Văn T.
- Án phí: Chị Phùng Thị H nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phùng Thị H có đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” với anh Phan Văn T, anh T có nơi cư trú tại: Xóm A, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn là chị Phùng Thị H, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Phan Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị H và anh Phan Văn T có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chưa tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương đồng thời mới về chung sống một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống. Mặc dù được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng anh chị đã quyết định không tổ chức đám cưới và không về chung sống với nhau dưới một mái nhà, Chị H đề nghị được ly hôn anh T. Về phía anh T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng anh T không có bản tự khai, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, có thái độ bỏ mặc, không quan tâm, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Điều đó thể hiện anh T không thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng cũng như không có biện pháp gì để vợ chồng hàn gắn tình cảm và về đoàn tụ.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã T xác định chị H và anh T có Đăng ký kết hôn năm 2018 tại UBND xã Y, sau khi kết hôn anh chị không tổ chức đám cưới và không về chung sống cùng nhau. Qua nắm bắt thì được biết chị H có về nhà anh T ở khoảng 1 tuần sau đó chị H bỏ về nhà bố mẹ ở Y để làm ăn, sinh sống. Thời gian sau đó không về sống chung với anh T nữa. Về phía anh T sau khi kết hôn xong cũng thường xuyên đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về quê, cho đến thời điểm hiện nay thì chỉ có anh T ở cùng mẹ đẻ tại xóm A, xã T. Nay chị H xin ly hôn anh T quan điểm của UBND xã là đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các bên để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy chị H và anh T chưa có thời gian về sống chung với nhau đã phát sinh mâu thuẫn và cả hai đều không có biện pháp để hàn gắn hôn nhân. Quan hệ hôn nhân của hai anh chị chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Từ năm 2018 cho đến nay anh chị mỗi người có cuộc sống riêng và không quan tâm đến nhau nữa. Mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn

[3] Về con chung: Chị H và anh T không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh T không có tài sản chung, khi ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phùng Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phùng Thị H và anh Phan Văn T.

2/ Về án phí: Chị Phùng Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004528 ngày 02 tháng 03 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình.
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)  
Trần Thị Khanh**